

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2022/DS-ST.
Ngày: 14/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn B Kiêu.

2/ Ông Nguyễn Thị Thùy Trang.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐST-DS ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Kim B**, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố M1, thị trấn N1, huyện Y, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* **Dương Thị C (C)**, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Lê Văn D**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A là bà Nguyễn Thị Kim B trình bày:*

Bà Dương Thị C có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị A làm chủ hụi gồm:

- Dây hụi 1: Hụi mở ngày 10/4/2020 âm lịch. Dây hụi có tất cả 16 phần, khi hốt trừ ra 01 phần, còn lại 15 phần, hụi sống đóng 4.200.000 đồng, hụi chết đóng 5.000.000 đồng, khi hốt trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng. Bà C hốt hụi vào ngày 10/4/2020 âm lịch. Năm 2020 âm lịch có nhuận 02 tháng tư, bà C hốt vào tháng 4 sau, hụi mãn vào ngày 10/7/2021 âm lịch, số tiền bà C hốt được 63.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng bà C nhận 61.000.000 đồng. Từ ngày 10/5/2020 âm lịch bà C không đóng được khoản hụi chết nào cho bà A. Dây hụi này bà C còn nợ bà A 61.000.000 đồng.

- Dây hụi 2: Hụi mở ngày 10/4/2020 âm lịch. Dây hụi có tất cả 18 phần, khi hốt hụi trừ ra 01 phần, còn lại 17 phần, hụi sống đóng 4.200.000 đồng, hụi chết đóng 5.000.000 đồng, khi hốt trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng. Dây hụi này bà C hốt hụi vào ngày 10/4/2020 âm lịch. Năm 2020 âm lịch có nhuận 02 tháng tư, bà C hốt vào tháng 4 sau, hụi mãn vào ngày 10/9/2021 âm lịch, số tiền bà C hốt được 71.400.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng bà C nhận 69.400.000 đồng. Từ ngày 10/5/2020 âm lịch bà C không đóng được khoản hụi chết nào cho bà A. Dây hụi này bà C còn nợ bà A 69.400.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 18/10/2020 âm lịch, bà C có mượn của bà A số tiền 40.000.000 đồng. Bà C có thỏa thuận bằng miệng với bà A hẹn trong vòng 01 tháng sau sẽ trả, lãi suất 3%/tháng nhưng kể từ ngày mượn tiền đến nay bà C không có trả tiền lãi, lẫn vốn cho bà A.

Như vậy, tổng số tiền nợ hụi và nợ mượn bà C còn nợ của bà A là 170.400.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Do ông Lê Văn D là chồng của bà A trong thời kỳ hôn nhân nên bà A yêu cầu bà C, ông D cùng trả số tiền còn nợ ngay khi án có hiệu lực pháp lực, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Dương Thị C trình bày:

Bà thống nhất có tham gia 02 dây hụi như đại diện nguyên đơn trình bày. Ngày 15/4/2020 bà có nhận tiền và có ký tên vào biên nhận tiền hốt hụi số tiền 130.400.000 đồng. Sau đó, bà đều đóng tiền hụi chết đều đặn mỗi tháng 10.000.000 đồng (02 dây) cho bà A. Hiện nay bà chỉ còn nợ bà A số tiền 96.400.000 đồng. Do tin tưởng lẫn nhau nên khi đóng tiền hụi chết bà không lập biên nhận nên không có gì để chứng minh. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Đối với khoản tiền vay 40.000.000 đồng bà thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của bà nhưng hiện bà đã trả số tiền này cho bà A, trả không có làm biên nhận.

Ông Lê Văn D là chồng của bà, việc bà tham gia hội và vay tiền bà A mục đích để trồng trọt, làm kinh tế gia đình, tuy nhiên ông D không biết nên không có liên quan đến khoản nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn D vắng mặt nên không có bản tự khai gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra và tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bị đơn là bà Dương Thị C cư trú tại ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Lê Văn D.

[2] Giữa bà Nguyễn Thị A và bà Dương Thị C có giao dịch dân sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Đại diện ủy quyền của bà A trình bày đến thời điểm Tòa án xét xử bà C còn nợ bà A số tiền nợ hội và nợ vay 170.400.000 đồng thể hiện qua các biên nhận nợ có chữ viết, ký tên của bà C vào các ngày 15/4/2020 và ngày 18/10/2020.

Tại đơn khởi kiện, bà A yêu cầu vợ chồng bà C, ông D liên đới trả cho bà số tiền hội, vay còn nợ 170.400.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà C đã thừa nhận đã nhận đủ số tiền hót hội, nghĩa vụ phải đóng hội chết và tiền nợ vay với tổng số tiền 170.400.000 đồng thể hiện qua các biên nhận nợ có chữ viết, ký tên của bà C vào các ngày 15/4/2020 và ngày 18/10/2020. Tuy nhiên, bà C chỉ thừa nhận còn nợ bà A số tiền hội là 96.400.000 đồng và xin trả nợ dần, số tiền chênh lệch 74.000.000 đồng bà đã đóng hội chết và trả nợ cho bà A. Xét lời trình bày của bà C đã không được bà A thừa nhận, đồng thời bà C cũng không có chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh đã trả cho bà A 74.000.000 đồng nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong thỏa thuận về việc thanh toán tiền hội, tiền vay cho bà A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận theo nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Xét thấy bà C vay nợ của bà A trong thời kỳ hôn nhân với ông Lê Văn D. Bà C trình bày việc bà tham gia hội và vay tiền bà A mục đích để trồng trọt, làm kinh tế gia đình, tuy nhiên ông D không biết nên không có liên quan đến khoản nợ này, không có nghĩa vụ liên đới trả tiền là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, Ông D cũng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ nhiều lần đã thể hiện thiếu sự hợp tác nên cần buộc ông D cùng với bà C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà A.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp khác hoặc luật có quy định khác”*. Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu tính lãi là có lợi cho vợ chồng bà Dương Thị C và ông Lê Văn D.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Áp dụng khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A. Buộc vợ chồng bà Dương Thị C, ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 170.400.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Dương Thị C, ông Lê Văn D chậm trả tiền thì bà C, ông D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.Án phí:

- Bà Dương Thị C và ông Lê Văn D phải liên đới chịu 8.520.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị A được hoàn lại 4.260.000 đồng theo biên lai thu số 0005266 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo và cũng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Đạt